

Số: 1497/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 08 tháng 7 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Điều lệ Hội Người mù
huyện Krông Ana, khoá I, nhiệm kỳ 2014 - 2019

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Xét đề nghị của UBND huyện Krông Ana tại Công văn số 284/UBND-NV ngày 16/6/2014 về việc phê duyệt Điều lệ Hội Người mù huyện Krông Ana;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 322/TTr-SNV, ngày 25 tháng 6 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Hội Người mù huyện Krông Ana, khóa I, nhiệm kỳ 2014-2019, gồm 7 Chương và 17 Điều đã được Đại hội Hội Người mù huyện Krông Ana thông qua ngày 09 tháng 5 năm 2014 (có Điều lệ đính kèm).

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch UBND huyện Krông Ana, Chủ tịch Hội Người mù tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Chủ tịch Hội Người mù huyện Krông Ana, căn cứ Quyết định này thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như điều 2;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VHXH, TH (B:2/b).



Hoàng Trọng Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

Hội Người mù huyện Krông Ana

khoá I, nhiệm kỳ 2014-2019

*(Được phê duyệt theo Quyết định số 1493/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 7 năm 2014 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

Chương 1

TÊN GỌI, TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH

Điều 1. Tên Hội

Hội có tên gọi: **Hội Người mù huyện Krông Ana.**

Điều 2. Tôn chỉ

Hội là một tổ chức xã hội tự nguyện trên địa bàn huyện Krông Ana. Hội là thành viên của Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Krông Ana. Hội có tư cách pháp nhân, có trụ sở và tài khoản, có con dấu, có biểu tượng riêng là biểu tượng của Hội Người mù Việt Nam.

Trụ sở của Hội đặt tại UBND huyện Krông Ana.

Điều 3. Mục đích

Hội được thành lập để góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị, xã hội của Đảng và Nhà nước; đồng thời động viên người mù chăm lo, giúp đỡ nhau về xã hội, văn hoá và nghề nghiệp, tạo môi trường để người mù phấn đấu vươn lên, góp phần thực hiện mục tiêu “Dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Chương 2

NHIỆM VỤ CỦA HỘI

Điều 4. Hội có nhiệm vụ

1. Giáo dục người mù không ngừng nâng cao lòng yêu nước, yêu Chủ nghĩa xã hội, tin tưởng vào công cuộc đổi mới, chấp hành đường lối, chủ trương chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước và của huyện, làm tròn nghĩa vụ công dân, chấp hành điều lệ và Nghị quyết của Hội.

2. Tuyên truyền Điều lệ và các hoạt động của Hội, phát triển tổ chức, phát triển hội viên.

3. Động viên người mù phát huy tinh đồng tâm, đoàn kết, thương yêu, chăm lo, giúp đỡ nhau về tinh thần và vật chất, cùng phấn đấu vươn lên hòa nhập vào cuộc sống gia đình và xã hội. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên và người mù, quan tâm chăm sóc phụ nữ và trẻ em mù.

4. Tổ chức và quản lý các cơ sở dạy chữ, dạy nghề, dịch vụ do Hội thành lập; góp phần giải quyết việc làm, từng bước ổn định cuộc sống, nâng cao trình độ văn hóa, nghề nghiệp cho hội viên.

5. Đề đạt, kiến nghị với cơ quan nhà nước về các chính sách, chế độ cần thiết cho người mù và tổ chức Hội, tích cực tác động để những chính sách đó nhanh chóng đi vào cuộc sống. Phối hợp với các cơ quan chức năng xây dựng kế hoạch và thực hiện các chương trình chăm lo đời sống cho người mù, đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động Hội.

6. Mở rộng, tăng cường tình đoàn kết hữu nghị với các tổ chức người mù và kém mắt, các tổ chức nhân đạo, từ thiện trên địa bàn huyện, tỉnh, toàn quốc, thế giới.

7. Cùng với các tổ chức xã hội khác, tích cực đấu tranh bảo vệ hòa bình, đẩy lùi tệ nạn xã hội, ngăn ngừa tai nạn, bảo đảm an toàn lao động để phòng chống mù lòa.

Chương 3 HỘI VIÊN

Điều 5. Hội viên

Công dân Việt Nam trên địa bàn Huyện có thị lực 0,5/10 trở xuống hoặc sau khi đã chỉnh kính cả hai mắt, chỉ đếm được ngón tay khi đặt bàn tay cách mắt 3 mét trở lại, không phân biệt nguyên nhân, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, nam, nữ, tán thành Điều lệ, tự nguyện xin gia nhập Hội thì được Ban Chấp hành hội quyết định công nhận.

Điều 6. Hội viên có các quyền:

1. Thảo luận và biểu quyết những nội dung trong các buổi sinh hoạt Hội.
2. Ứng cử, đề cử, hiệp thương hoặc bầu người vào cơ quan lãnh đạo Hội (những người ứng cử, đề cử vào Ban Chấp hành Hội phải có tuổi đời từ 21 trở lên).
3. Góp ý, chất vấn lãnh đạo Hội, cán bộ, hội viên trong các buổi sinh hoạt hội.
4. Đề đạt ý kiến hoặc khiếu nại lên lãnh đạo Hội.
5. Được Hội tạo điều kiện phục hồi chức năng, học tập, làm việc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và được Hội giúp đỡ khi đời sống gặp nhiều khó khăn.
6. Được sinh hoạt hội ít nhất 6 tháng 1 lần.
7. Được xin ra khỏi hội.

Chương 4 TỔ CHỨC CỦA HỘI

Điều 7. Tổ chức

1. Hội có tổ chức hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, tập trung quyết định theo đa số, làm việc theo chế độ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

2. Tổ chức Hội gồm:

- a) Đại hội.
- b) Ban chấp hành.
- c) Ban Kiểm tra.
- d) Chủ tịch, phó chủ tịch.
- đ) Văn phòng.
- e) Các đơn vị trực thuộc.

Hội Người mù huyện Krông Ana do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định cho phép thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Đại hội

1. Đại hội toàn thể (5 năm tổ chức một lần)

2. Nhiệm vụ của Đại hội:

- a) Đánh giá báo cáo tổng kết nhiệm kỳ của Ban chấp hành.
- b) Thảo luận và quyết định phương hướng, nhiệm vụ công tác nhiệm kỳ tới.
- c) Bầu ban chấp hành mới theo phương thức hiệp thương dân chủ.
- d) Khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích trong nhiệm kỳ.

3. Đại biểu của Đại hội gồm 2 thành phần:

Đại biểu chính thức và đại biểu là khách mời.

Điều 9. Ban Chấp hành

1. Số lượng Ban chấp hành do đại hội quyết định.

2. Ban chấp hành gồm có Chủ tịch; Phó Chủ tịch và các Ủy viên ban chấp hành.

3. Ban chấp hành huyện hội mỗi tháng họp một lần.

Điều 10. Ban kiểm tra

1. Ban chấp hành huyện hội bầu ra một ủy viên phụ trách công tác kiểm tra.

2. Nội dung kiểm tra:

- a. Kiểm tra việc chấp hành Điều lệ Hội của Ban chấp hành.
- b. Kiểm tra công tác quản lý tài chính, tài sản của Hội.
- c. Xem xét và giải quyết các đơn thư khiếu nại của cá nhân và tập thể có liên quan. Không xem xét đơn thư nặc danh, mạo danh.

Điều 11. Chủ tịch

Chủ tịch Hội do đại hội bầu trong số các ủy viên. Chủ tịch chủ trì các cuộc họp của Ban chấp hành, điều hành triển khai các Nghị Quyết. Chủ tịch là người lãnh đạo cao nhất và chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của hội.

Điều 12. Phó Chủ tịch

Phó Chủ tịch do Ban chấp hành bầu ra, được Chủ tịch phân công, lãnh đạo từng mặt hoạt động của Hội, thay mặt Chủ tịch ký các văn bản thuộc thẩm quyền được giao.

Điều 13. Văn phòng cấp Hội

1. Có cán bộ là người sáng mắt giúp việc.
2. Cán bộ là người có phẩm chất, trình độ, năng lực, được đào tạo, bồi dưỡng đủ khả năng giúp ban lãnh đạo triển khai các chương trình công tác.

Chương 5

TÀI CHÍNH, TÀI SẢN CỦA HỘI

Điều 14. Tài chính và tài sản.

1. Nguồn thu của Hội gồm:
 - a) Hội phí của hội viên.
 - b) Hỗ trợ của Ngân sách huyện (nếu có) chi thường xuyên hàng năm theo chương trình dự án.
 - c) Tổ chức và cá nhân ở trong và ngoài nước ủng hộ bằng tiền hoặc hiện vật theo quy định của Pháp luật, của Nhà nước Việt Nam.
 - d) Tài trợ của các tổ chức phi Chính phủ, tổ chức quốc tế và các hoạt động tài trợ khác trong khuôn khổ Pháp luật Nhà nước Việt Nam.
 - đ) Các hoạt động có thu hợp pháp khác.

2. Chi của Hội gồm:

- a) Lương, phụ cấp và hành chính phí.
- b) Các hoạt động của Hội.
- c) Trợ cấp cho hội viên gặp nhiều khó khăn.

3. Tài sản của Hội gồm:

Các trang thiết bị phục vụ hoạt động của Hội do Hội quản lý theo qui định của Nhà nước.

Chương 6

KHEN THƯỞNG VÀ KỈ LUẬT

Điều 15. Khen thưởng

Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động hoặc có nhiều công lao được hội khen thưởng theo qui chế thi đua.

Điều 16. Xử lý và vi phạm

Các cá nhân và tập thể vi phạm chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước và Điều lệ Hội đề ra, tùy theo tính chất, mức độ sai phạm mà thi hành các hình thức kỷ luật.

Chương 7
CHẤP HÀNH ĐIỀU LỆ HỘI

Điều 17. Chấp hành điều lệ Hội

Điều lệ này gồm 7 Chương và 17 Điều, đã được đại hội thành lập Hội Người mù huyện Krông Ana biểu quyết thông qua ngày 09 tháng 5 năm 2014. Chỉ có đại hội đại biểu hoặc đại hội hội viên của Hội mới có quyền bổ sung và sửa đổi Điều lệ này.

Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định phê duyệt.

Tổ chức Hội và toàn thể cán bộ hội viên phải chấp hành theo điều lệ.

Ban chấp hành Hội có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Điều lệ./.